

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1496 /QĐ-ĐHNH, ngày 13 tháng 5 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC)**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **Finance and Banking, partial English program (High-quality)**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**
- Mã ngành¹: **7340201**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: **Thực hiện theo đề án tuyển sinh**
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng ...5... năm ...2026.....**

1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	10	0	0	22	0	0	17,89%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	25	7	11	80	21	33	82,11%
2.1	Cơ sở ngành	16	1	1	47	3	3	40,65%
2.2	Ngành	5	3	7	15	9	21	19,51%
2.3	Chuyên ngành	4	3	3	18	9	9	21,95%
	Tổng cộng	35	7	11	102	21	33	100%

▪ **Chương trình giáo dục thể chất quốc phòng**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
-----	----------------	------------

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

1	Giáo dục thể chất/Physical Education	5
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/National Defence and Security Education Programmes	8
	TỔNG CỘNG	13

▪ **Chương trình đào tạo tăng cường**

STT	Khối kiến thức đào tạo tăng cường	Số tín chỉ
1	Tiếng Anh tăng cường/ Intensive English (*)	28
2	Kỹ năng mềm/Soft skills	8
	TỔNG CỘNG	36

2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist philosophy	3	3	0	0	Không	1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Marxist Leninist political economics	2	2	0	0	MLM306	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	2	2	0	0	MLM306	2
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	2
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	0	MLM306	3
6	MAE701*	Toán kinh tế 1/ Mathematics for economics 1*	2	2	0	0	Không	1
7	MAE702*	Toán kinh tế 2/ Mathematics for economics 2*	2	2	0	0	Không	2

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Theory of Probability and Statistics	3	3	0	0	Không	3
9	LAW798*	Pháp luật và thể chế/ Law and Institution*	2	2	0	0	Không	1
10	FIN730*	Phát triển bền vững & Tài chính xanh/ Sustainable development and green finance*	2	2	0	0	Không	3
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
Học phần bắt buộc								
1	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	3	3	0	0	Không	1
2	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	3	0	0	Không	1
3	DIM706*	Marketing số/Digital marketing*	3	3	0	0	Không	1
4	ACC301*	Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting*	3	3	0	0	Không	2
5	LAW304	Luật kinh doanh / Business Law	3	3	0	0	LAW798	3
6	FIN709*	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng/ Professional ethics in finance and banking*	3	3	0	0	Không	2

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
7	ITS772*	Phát triển năng lực số/ Digital Competency Development*	3	3	0	0	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao, Chứng nhận ứng dụng AI	4
8	ECE301	Kinh tế lượng/ Econometrics	3	3	0	0	AMA303	4
9	BAF706	Tài chính cá nhân/ Personal Finance	3	3	0	0	Không	4
10	BAF736 *	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính/ Money, Banking and Fintech*	3	3	0	0	MES303	2
11	FIN303*	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance*	3	3	0	0	ACC301	3
12	ACC705	Kế toán tài chính/ Financial Accounting	3	3	0	0	ACC301	3
13	ENP704 *	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH/ English For Banking And Finance*	3	3	0	0	Không	4
14	INE704*	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Scientific research methods *	3	3	0	0	Không	4
15	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ Applied Logic in Business	2	2	0	0	Không	3
16	BAF724 *	Lập trình Python trong tài chính ngân hàng/ Python programming in banking and finance*	3	3	0	0	Không	4

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: a. là định hướng Ngân hàng số và chuỗi khối, b là định hướng công nghệ tài chính)								
17a	BAF731	Chuỗi khối và tiền mã hóa/ Blockchain and Cryptocurrencies	3	3	0	0	Không	4
17b	ITS724	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh/ Applied Algorithms in Business	3	3	0	0	ITS723	4
Học phần khối kiến thức ngành								
Học phần bắt buộc								
1	BAF722 *	Banking Operations/ Hoạt động kinh doanh ngân hàng*	3	3	0	0	Không	5
2	FIN726	Corporate Finance Analysis/ Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0	0	FIN303	5
3	BAF743	Investment Project Appraisal/ Thẩm định dự án đầu tư	3	3	0	0	BAF736	5
4	BAF755	International payment/ Thanh toán quốc tế	3	3	0	0	BAF736	6
5	BAF745 *	Digital Marketing in Financial Institutions/ Marketing số trong các định chế tài chính*	3	3	0	0	BAF736	6
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục cơ sở ngành)								
6a	BAF769	Digital banking/ Ngân hàng số	3	3	0	0	BAF736	5,6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
7a	BAF766	<i>Applications of blockchain in banking and finance/ Ứng dụng blockchain trong tài chính ngân hàng</i>	3	3	0	0	BAF731	5,6
8a	FIN720	<i>Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro</i>	3	3	0	0	MES303	5,6
9a	BAF767	<i>Smart Contracts/ Hợp đồng thông minh</i>	3	3	0	0	BAF731	5,6
10a	FIN715	<i>Quantitative finance/ Tài chính định lượng</i>	3	3	0	0	BAF724	5,6
6b	BAF747	<i>Principles and techniques in Machine Learning for Fintech/ Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính</i>	3	3	0	0	BAF724	5,6
7b	FIN729	<i>Insurance Technology/Công nghệ bảo hiểm</i>	3	3	0	0	Không	5,6
8b	BAF749	<i>Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng</i>	3	3	0	0	AMA303	5,6
9b	BAF751	<i>Large language models in banking and finance/ Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Từ khoá 12)</i>	3	3	0	0	BAF724	5,6
10b	BAF752	<i>Big data analysis in banking and finance/ Phân tích dữ</i>	3	3	0	0	Không	5,6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		liệu lớn trong tài chính ngân hàng						
Học phần khối kiến thức chuyên ngành								
Học phần bắt buộc								
1	BAF753 *	Bank Lending/ Tín dụng ngân hàng*	3	3	0	0	BAF722	7
2	FIN719*	Financial Investment/ Đầu tư tài chính*	3	3	0	0	FIN303	7
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức ngành)								
3a	FIN717	Investment Banking/ Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (Từ khoá 12)	3	3	0	0	BAF736	7
4a	BAF772 *	AI Agents and Automation in Finance and Banking/ AI Agent và tự động hóa trong TCNH *	3	3	0	0	Không	7
5a	BAF744	Commercial Banking Management/ Quản trị ngân hàng thương mại	3	3	0	0	BAF722	7
3b	FIN731	Technology for Asset Management and Investment/ Công nghệ trong quản lý tài sản và đầu tư	3	3	0	0	FIN303	7
4b	BAF768 *	Entrepreneurship in fintech/ Khởi nghiệp trong công nghệ tài chính *	3	3	0	0	Không	7
5b	BAF746	Risk management in banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng	3	3	0	0	BAF722	7

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
6	INT710_1*	Internship in Banking and Finance/ Thực tập cuối khóa ngành Tài Chính Ngân hàng	3	1	0	2	Theo quy chế ĐT	8
7	REP710_1*	Bachelor's Thesis in Banking and Finance/ Khóa luận tốt nghiệp ngành Tài Chính Ngân hàng *	9	1	0	8	Theo quy chế ĐT	8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			123					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			102					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			21					
KHỐI KIẾN THỨC KHÁC			13					
KHỐI KIẾN THỨC TĂNG CƯỜNG			36					

Ghi chú (nếu có): Sinh viên được yêu cầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp, và được khuyến khích thực hiện khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Lê Đình Hạc